



yě mǎ
野马

noun · wild horse

Example Sentences

cǎo yuán shàng yǒu yī qún yě mǎ zài bēn pǎo
草原上有一群野马在奔跑。

There is a herd of wild horses running on the grassland.

tā xiàng yī pǐ yě mǎ yī yàng nán yǐ xùn fú
他像一匹野马一样难以驯服。

He is as hard to tame as a wild horse.

Trace each character, then write the word on your own.

野	野	野	野	野	野	野	野	野	野	野
野	野	野								

马	马	马	马	马	马					
